

BÁO CÁO HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG NĂM 2024

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

- + *BĐCL: Bảo đảm chất lượng*
- + *KĐCL: Kiểm định chất lượng*
- + *BĐCL : Bảo đảm chất lượng*
- + *HTQT: Hợp tác quốc tế*
- + *HSSV: Học sinh sinh viên*
- + *HTDN: Hợp tác doanh nghiệp*
- + *GDNN: Giáo dục nghề nghiệp*

I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GDNN

- Tên trường: Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại (College of Technology and Trade)

Địa chỉ trường:

+ Cơ sở 1 (trụ sở chính của Trường): Tại phường Lương Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên; Điện thoại: 0280.3845.092; Fax: 0280.3845.297;

+ Cơ sở 2: Tại phường Tích Lương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Điện thoại: 0208.3845.036; Fax: 0208.3845.035;

+ Cơ sở 3: Tại phường Nam Hồng, Thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh; Điện thoại: 0239.3835.961, Fax: 0239.3838.987.

- Cơ quan chủ quản: Bộ Công Thương.

- Loại hình trường: Công lập.

- Năm thành lập trường: 1962

- Đổi tên thành Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại theo Quyết định số 1031/QĐ-BLĐTBXH ngày 20/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

- Thông tin liên hệ của Nhà trường

+ Địa chỉ: Tổ 5 - Phường Lương Sơn - TP Sông Công - Tỉnh Thái Nguyên.

+ Website: cntm.edu.vn

+ Số điện thoại: 0280.3845.092

+ Số Fax: 0280.3845.297

+ Email: phongkt.kiemdinhchatluong21@gmail.com

1.1. Cơ cấu tổ chức và nhân sự

- Cơ cấu tổ chức



- Nhân sự

- Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của trường

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
1. Giám hiệu	Phan Văn Tư	1968	Thạc sỹ	Hiệu trưởng
	Nguyễn Quyết Thắng	1967	Thạc sỹ	Phó HT
	Hoàng Văn Tá	1975	Thạc sỹ	Phó HT
2. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn				
Đảng Bộ	Phan Văn Tư	1968	Thạc sỹ	Bí thư
Công Đoàn	Hoàng Văn Tá	1975	Thạc sỹ	Chủ tịch
Đoàn Thanh niên	Trần Thị Yên	1987	Thạc sỹ	Bí thư
3. Trưởng các phòng chức năng				
Phòng TCHC	Phạm Ngọc Điền	1977	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng TCKT	Nông Thị Hương Giang	1975	Cử nhân	Trưởng phòng
Phòng Công tác HSSV	Trần Quang Công	1984	Thạc sỹ	Phó TP điều hành
Phòng Quản trị	Văn Vĩnh Nguyên	1971	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng Đào tạo	Trần Mạnh Hùng	1979	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng BĐCL	Trần Quang Huy	1979	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng TT-QLKH	Trần Văn Thái	1971	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng Tuyển sinh và HTDN	Nguyễn Tiến Thành	1973	Thạc sỹ	Trưởng phòng
4. Trưởng các khoa				
Khoa Khoa học Cơ bản	Lê Nguyên Dung	1974	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Khoa Điện – TĐH	Nguyễn Xuân Trường	1973	Kỹ sư	Trưởng khoa
Khoa Điện tử - Điện lạnh	Nguyễn Đức Hưng	1978	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Khoa Công nghệ Hàn	Lê Trọng Phụng	1978	Thạc sỹ	Phó phụ trách
Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Thị Thu Thủy	1974	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Khoa Kinh tế chính trị	Tạ Quốc Uy	1976	Cử nhân	Trưởng khoa
Khoa Cơ khí	Nguyễn Việt Dũng	1966	Thạc sỹ	Phó phụ trách
Khoa Công nghệ ô tô	Chu Thúc Độ	1980	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Khoa Luyện kim	Bùi Thanh Bình	1979	Tiến sỹ	Trưởng khoa
Khoa Công nghệ May TT	Tạ Thu Huyền	1978	Cử nhân	Phó phụ trách
5. Trưởng Trung tâm, cơ sở trực thuộc				
Trung tâm An toàn và VSLĐ	Nguyễn Tiến Giang	1975	Thạc sỹ	Giám đốc
Cơ sở đào tạo Hà Tĩnh	Phạm Ngọc Điền	1977	Thạc sỹ	Kiểm Trưởng CS

- Tổng số cán bộ, giáo viên của trường:

TT	Đội ngũ	Năm 2024 (người)	Ghi chú
I	Tổng số biên chế	180	
1	Cán bộ quản lý	42	
2	Giảng viên, giáo viên	103	
3	Viên chức, người lao động	35	
II	Giảng viên, giáo viên thỉnh giảng	31	

- Nam: 105 - Nữ: 83

1.2. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo

• Trình độ Cao đẳng: 895 chỉ tiêu

TT	Mã ngành	Ngành học	Chỉ tiêu	Ghi chú
1	6520301	Luyện gang	70	
2	6520302	Luyện thép	75	
3	6520304	Luyện kim màu	40	
4	6510419	Công nghệ cán, kéo kim loại	110	
5	6510418	Công nghệ đúc kim loại	40	
6	6510609	Kiểm tra và phân tích hoá chất	30	
7	6520121	Cắt gọt kim loại	75	
8	6520126	Nguội sửa chữa máy công cụ	40	
9	6510303	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	30	
10	6520255	Vận hành sửa chữa thiết bị lạnh	40	
11	6510202	Công nghệ kỹ thuật ô tô	30	
12	6510212	Công nghệ chế tạo máy	50	
13	6510216	Công nghệ ô tô	30	
14	6520123	Hàn	115	
15	6520225	Điện tử công nghiệp	60	
16	6520227	Điện công nghiệp	115	
17	6540205	Máy thời trang	30	

• Trình độ Trung cấp: 2060 chỉ tiêu

TT	Mã ngành	Ngành học	Chỉ tiêu	Ghi chú
1	5520301	Luyện gang	60	
2	5520302	Luyện thép	100	
3	5520304	Luyện kim màu	50	
4	5520142	Sửa chữa thiết bị luyện kim	35	

5	5510419	Công nghệ cán, kéo kim loại	100	
6	5510418	Công nghệ đúc kim loại	40	
7	5510410	Công nghệ mạ	30	
8	5511002	Công nghệ tuyển khoáng	50	
9	5510609	Kiểm tra và phân tích hoá chất	30	
10	5510519	Sản xuất vật liệu chịu lửa	50	
11	5510509	Sản xuất các chất vô cơ	30	
12	5520121	Cắt gọt kim loại	55	
13	5520123	Hàn	220	
14	5520126	Nguội sửa chữa máy công cụ	65	
15	5520127	Nguội lắp ráp cơ khí	30	
16	5520117	Cơ khí chế tạo	50	
17	5510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	40	
18	5520223	Điện công nghiệp và dân dụng	80	
19	5520227	Điện công nghiệp	190	
20	5520155	Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp	40	
21	5540205	May thời trang	80	
22	5520255	Vận hành sửa chữa thiết bị lạnh	80	
23	5510216	Công nghệ ô tô	60	
24	5520182	Vận hành cần, cầu trục	30	
25	5480202	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)	100	
26	5520159	Bảo trì và sửa chữa ô tô	100	
27	5510217	Công nghệ hàn	90	
28	5340302	Kế toán doanh nghiệp	70	
29	5520226	Điện dân dụng	35	
30	5480203	Tin học văn phòng	70	

• **Trình độ Sơ cấp: 1795 chỉ tiêu**

TT	Ngành học	Chỉ tiêu	Ghi chú
1	Luyện gang	65	
2	Luyện thép	65	
3	Luyện kim màu	30	
4	Luyện cốc	50	
5	Luyện fero hợp kim	50	
6	Công nghệ nhiệt luyện	50	
7	Công nghệ cán, kéo kim loại	30	

8	Công nghệ đúc kim loại	30	
9	Đo lường và phân tích thành phần kim loại	30	
10	Sản xuất vật liệu chịu lửa	50	
11	Sản xuất chất vô cơ	30	
12	Sản xuất A xít sunfua ric	50	
13	Hàn	30	
14	Hàn công nghệ cao	30	
15	Nguội lắp ráp cơ khí	30	
16	Rèn dập	50	
17	Lập trình gia công trên máy CNC	30	
18	Kỹ thuật lò hơi	30	
19	Điện công nghiệp	65	
20	Vận hành sửa chữa thiết bị lạnh	30	
21	Lập trình vi điều khiển	30	
22	Lập trình trên thiết bị PLC	30	
23	Vận hành cầu trục	170	
24	Vận hành máy nén khí, máy bơm, quạt gió mở hầm lò	30	
25	Vận hành thiết bị sàng tuyển quặng kim loại	50	
26	Quản trị mạng máy tính	30	
27	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)	30	
28	Tin học văn phòng	65	
29	Vẽ thiết kế trên Autocad	30	
30	Vận hành cần trục	30	
31	Vận hành xe nâng	30	
32	Cán, kéo kim loại	35	
33	Đúc kim loại	30	
34	Vận hành dây truyền tuyển khoáng	35	
35	Vận hành nồi hơi	35	
36	Vận hành thiết bị áp lực	35	
37	Vận hành trạm oxy-khí nén	35	
38	Cắt gọt kim loại	65	
39	Hàn điện	35	
40	Hàn cắt khí	35	
41	Sửa chữa thiết bị luyện kim	35	
42	Điện tử công nghiệp	35	
43	May thời trang	35	

1.3. Đơn vị phụ trách về BDCL và KDCL

Phòng Bảo đảm chất lượng được thành lập theo Quyết định số 55/QĐ-CNTM ngày 29/5/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại.

* Chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

- Chức năng

Là đơn vị tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng nhà trường trong công tác bảo đảm chất lượng;

- Nhiệm vụ: Gồm 2 nhiệm vụ chính

- + Công tác Bảo đảm chất lượng nhà trường
- + Công tác kiểm định chất lượng

• Danh sách cán bộ viên chức

TT	Họ và tên	Trình độ	Chức danh	Điện thoại	Gmail
1	Trần Quang Huy	Thạc sỹ	Trưởng phòng	0912356683	Huyit19@gmail.com
2	Phạm Thị Phương Thảo	Đại học	Chuyên viên	0987438955	Thaohuyen77@gmail.com

Email của phòng: phongkt.kiemdinhchatluong21@gmail.com

II. BÁO CÁO XÂY DỰNG, VẬN HÀNH, ĐÁNH GIÁ VÀ CẢI TIẾN HỆ THỐNG BDCL

2.1. Tổng quan về hệ thống bảo đảm chất lượng

a) Đặt vấn đề

Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn hiện nay, là trách nhiệm của các cấp các ngành và toàn xã hội. Mục tiêu phát triển các trường chất lượng cao, các nghề đào tạo đạt trình độ quốc gia, khu vực và quốc tế đòi hỏi phải có hệ thống BDCL giáo dục nghề nghiệp. Đây là yếu tố quan trọng giúp nhà trường hoàn thiện công tác BDCL và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo. Cùng với việc tập trung đầu tư đồng bộ về cơ sở vật chất, trang thiết bị; đổi mới chương trình đào tạo; nâng cao năng lực cho đội ngũ CBQL, GV thì một giải pháp không kém phần quan trọng và có tính đột phá là phải cải tiến về quản trị nhà trường, trong đó đề cao đến vấn đề nâng cao chất lượng đào tạo một cách tổng thể và bền vững đó là “xây dựng hệ thống BDCL trong nhà trường”. Việc xây dựng hệ thống BDCL trong nhà trường góp phần đổi mới công tác quản lý, bảo đảm dân chủ, thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của nhà trường; coi trọng quản lý chất lượng đó cũng là một trong những giải pháp nhằm đổi mới giáo dục nghề nghiệp.

Bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp được hiểu là một cơ chế quản lý, giám sát nhằm duy trì các chuẩn mực và không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

Xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng trong nhà trường là quản lý toàn bộ quá trình đào tạo để BĐCL các cấp từ đầu vào, quá trình đào tạo và đầu ra với các yêu cầu: Thực hiện trước, trong và sau quá trình đào tạo, phát hiện, phòng ngừa những yếu tố làm giảm chất lượng đào tạo; xác định theo các chuẩn mực và có quy trình, cơ chế bảo đảm chất lượng đầu ra (chất lượng học sinh tốt nghiệp), trách nhiệm của mọi người tham gia quá trình đào tạo (CBQL, giáo viên, nhân viên).

Để nâng cao chất lượng đào tạo, khẳng định uy tín và thương hiệu của nhà trường, phấn đấu đạt tiêu chuẩn trường chất lượng cao đến năm 2020, nhà trường cần phải đẩy mạnh công tác xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng. Nhà trường luôn xác định rằng: “Chất lượng để khẳng định thương hiệu”, để đạt được yêu cầu chất lượng trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp, Hiệu trưởng và toàn bộ cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và người lao động cam kết xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng theo quy định tại Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

b) Thông tin về xây dựng, vận hành hệ thống BĐCL

b1) Các căn cứ xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

- Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 15/12/2017 của Bộ LĐTB&XH Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;
- Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp;
- Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, cao đẳng;

Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại lập Kế hoạch xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng và tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp trình Hiệu trưởng phê duyệt và tổ chức thực hiện.

b2) Mục đích xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

- Nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý (CBQL), nhà giáo, viên chức, người lao động và học sinh, sinh viên (HSSV) về tầm quan trọng của công tác bảo đảm chất lượng của nhà trường;
- Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, giữ vững thương hiệu và uy tín của Trường Cao đẳng công nghệ và Thương mại;
- Tiếp cận trình độ GDNN các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới.

b3) Nguyên tắc, yêu cầu xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

- Tuân thủ các quy định hiện hành, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đào tạo và thể hiện được tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong từng giai đoạn;
- Nhân mạnh vai trò của người quản lý, gắn kết với quyền tự chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục nghề nghiệp và lấy người học làm trung tâm;
- Huy động sự tham gia của tất cả CBQL, nhà giáo, nhân viên và người học;
- Tiếp cận theo quá trình, đảm bảo tính hệ thống, gắn kết với tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong quản lý;
- Phù hợp với điều kiện thực tiễn của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, dễ vận hành; liên tục cải tiến, đơn giản hóa các thủ tục bảo đảm chất lượng và đảm bảo khoa học, hiệu quả, tiết kiệm.

b4) Cách thức xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

Bước 1. Công tác chuẩn bị

1. Hoàn thiện tổ chức và nhân sự bảo đảm chất lượng:

a) Hiệu trưởng quyết định thành lập đơn vị;

b) Giao nhiệm vụ đơn vị phụ trách bảo đảm chất lượng:

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị nhà trường lập kế hoạch và tổ chức thực hiện xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng. Kế hoạch trình Hiệu trưởng phê duyệt;

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát và đề xuất các biện pháp thực hiện xây dựng, vận hành và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng đúng tiến độ, hiệu quả và đảm bảo chất lượng;

- Báo cáo kết quả xây dựng, vận hành và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng theo yêu cầu của người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Đánh giá thực trạng bộ máy, nhân sự và các điều kiện bảo đảm chất lượng của nhà trường.

3. Lập kế hoạch xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng.

4. Tổ chức hướng dẫn về xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng cho cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên.

Bước 2. Xây dựng hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng

1. Rà soát, cập nhật chỉnh sửa chính sách chất lượng:

a) Phòng BĐCL chủ trì tổ chức rà soát lấy ý kiến đối với chính sách chất lượng của trường đã ban hành năm 2022.

b) Chính sách chất lượng phù hợp với chính sách phát triển chung của trường trong từng giai đoạn cụ thể và các quy định liên quan khác; cụ thể hóa chủ trương và định hướng chung của trường trong việc thực hiện bảo đảm chất lượng đào tạo; trình bày cô đọng, rõ ràng, dễ hiểu;

c) Chính sách chất lượng được lấy ý kiến đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên, đại diện các tổ chức đoàn thể, người học và các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động có tiếp nhận học sinh, sinh viên đến thực tập, thực hành, làm việc;

d) Được rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật phù hợp với thực tế phát triển của trường và sự thay đổi của các định hướng chiến lược hay các quy định khác có liên quan.

2. Xây dựng mục tiêu chất lượng:

a) Phòng BĐCL chủ trì tổ chức xây dựng mục tiêu chất lượng của trường trình Hiệu trưởng phê duyệt.

b) Mục tiêu chất lượng phù hợp với chính sách chất lượng của trường; được xác định theo thứ tự ưu tiên nhằm cụ thể hóa chính sách chất lượng theo từng giai đoạn cụ thể;

c) Mục tiêu chất lượng được ý kiến đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên, đại diện các tổ chức đoàn thể, người học và các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động có tiếp nhận học sinh, sinh viên đến thực tập, thực hành, làm việc;

d) Được rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật phù hợp với thực tế phát triển của cơ sở giáo dục nghề nghiệp và sự thay đổi của các định hướng chiến lược hay các quy định khác có liên quan.

3. Xây dựng sổ tay bảo đảm chất lượng:

a) Phòng BĐCL xây dựng sổ tay bảo đảm chất lượng trình Hiệu trưởng phê duyệt.

b) Sổ tay bảo đảm chất lượng phản ánh trung thực, chính xác các quy định về hệ thống bảo đảm chất lượng của nhà trường.

c) Được rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật phù hợp với thực tế phát triển của cơ sở giáo dục nghề nghiệp và sự thay đổi định hướng chiến lược hay quy định khác có liên quan.

4. Xây dựng quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng:

a) Phòng BĐCL chủ trì, phối hợp với các đơn vị xây dựng quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng theo cách thức sau:

- Xác định lĩnh vực quản lý chất lượng trên cơ sở các tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp hiện hành. Tùy theo điều kiện, đặc thù của nhà trường có thể xác định các lĩnh vực quản lý chất lượng khác nếu cần thiết;

- Căn cứ các lĩnh vực quản lý chất lượng đã được xác định, nghiên cứu, xây dựng các nội dung cụ thể của từng lĩnh vực quản lý chất lượng.

b) Xây dựng quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng cho từng nội dung cụ thể của các lĩnh vực quản lý chất lượng trình người đứng đầu cơ sở cơ sở giáo dục nghề nghiệp phê duyệt. Các hoạt động bắt buộc phải xây dựng quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng, bao gồm: Xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình, giáo trình đào tạo; tuyển sinh; kiểm tra, thi, xét, công nhận tốt nghiệp; đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học; tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý; quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị; quản lý xưởng; khảo sát học sinh sau tốt nghiệp; khảo sát doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động.

Bước 3. Phê duyệt và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

1. Hiệu trưởng phê duyệt các nội dung thuộc hệ thống bảo đảm chất lượng trước khi vận hành hệ thống trong nhà trường.

2. Hệ thống bảo đảm chất lượng được công bố công khai để toàn thể cán bộ, nhà giáo, nhân viên và các đối tượng khác có liên quan biết và triển khai thực hiện

c) Chính sách chất lượng

1. Lấy người học là đối tượng trung tâm, luôn luôn lắng nghe, tìm hiểu nhu cầu của người học, đảm bảo các quyền lợi, cung cấp các dịch vụ tốt nhất để người học phát triển năng lực của bản thân;
2. Đào tạo người học có chất lượng, hướng tới đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng sự phát triển cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.
3. Xây dựng, mở thêm các ngành nghề mới đáp ứng được yêu cầu của người học và nhu cầu tuyển dụng lao động của xã hội theo từng giai đoạn.
4. Mở rộng hợp tác trong và ngoài nước trong quá trình đào tạo; mở rộng quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng để tạo điều kiện và cơ hội làm việc cho người học.
5. Thường xuyên rà soát, cập nhật chương trình đào tạo, giáo trình, phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội.
6. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn theo quy định. Tổ chức quản lý, khai thác sử dụng đúng mục đích và hiệu quả.
7. Không ngừng cải tiến phương pháp quản lý nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của nhà trường
8. Xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức, nhà giáo có đủ trình độ, phẩm chất và năng lực đáp ứng các tiêu chí trường chất lượng cao.
9. Xây dựng môi trường làm việc và học tập thân thiện, chuyên nghiệp, sáng tạo; Tinh gọn trong tổ chức bộ máy và cải tiến liên tục hệ thống quản lý chất lượng.
10. Duy trì có hiệu quả và thường xuyên cải tiến, phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng của nhà trường.

d) Mục tiêu chất lượng

Chủ đề: Đoàn kết, kỷ cương, đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo

- 1) Hoàn thiện các văn bản quy định, quy chế trong toàn trường.
- 2) Tăng cường công tác thanh kiểm tra, giám sát.
- 3) Tiếp tục với mục tiêu chuyển đổi số, đổi mới công tác quản lý.
- 4) Nâng cao chất lượng, chuẩn hoá đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý.
- 5) Đẩy mạnh công tác quản lý nghiệp vụ tại các Phòng, Khoa chuyên môn.
- 6) Từng bước tăng cường hội nhập quốc tế

e) Danh mục các lĩnh vực quản lý chất lượng thực hiện được xây dựng và vận hành

TT	MÃ SỐ	NỘI DUNG QUY TRÌNH	GHI
----	-------	--------------------	-----

	QUY TRÌNH		CHÚ
1	QT.50	Quy trình quản lý sổ sách nghiệp vụ tại Khoa	
2	QT.51	Quy trình quản lý nghiệp vụ hệ đào tạo liên thông	
3	QT.52	Quy trình tổ chức hoạt động ngoại khoá và các hoạt động xã hội	

f) Hệ thống thông tin BDCL

Hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng gồm cơ sở dữ liệu bảo đảm chất lượng và hạ tầng thông tin, thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Cơ sở dữ liệu mở, có khả năng mở rộng, cập nhật khi cần thiết;
- Phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin phục vụ quản lý của cơ sở giáo dục nghề nghiệp và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng;
- Ứng dụng công nghệ thông tin, bảo đảm kết nối với hệ thống thông tin quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp các cấp;
- Phân quyền truy cập hệ thống theo cấp độ quản lý phục vụ việc ra quyết định quản lý, điều hành các hoạt động bảo đảm chất lượng. Hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng được định kỳ rà soát, nâng cấp, xây dựng và ban hành quy chế quản lý, vận hành hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng.
- Phòng BDCL là đơn vị chủ trì phối hợp với Khoa CNTT xây dựng và ban hành quy chế quản lý, vận hành hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng.

2.2. Đánh giá cải tiến

a) Đánh giá

- Tổng số đợt đánh giá: 2
- Tổng số đơn vị thuộc trường tự đánh giá: 19

b) Cải tiến

- Nội dung của từng lĩnh vực quản lý chất lượng được chỉnh sửa bổ sung cải tiến:

Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
Tổng số nội dung đang vận hành	01	
Số lượng nội dung thực hiện chỉnh sửa	0	
Số lượng nội dung được bổ sung	0	
Số lượng nội dung loại bỏ	0	

- Các quy trình công cụ BDCL được cải tiến:

Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
Tổng số quy trình, công cụ đang vận hành	52	
Số lượng quy trình, công cụ thực hiện chỉnh sửa	6	
Số lượng quy trình, công cụ được bổ sung	3	

Số lượng quy trình, công cụ loại bỏ	0	
-------------------------------------	---	--

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

3.1. Ưu điểm

Nhờ có chính sách, mục tiêu chất lượng rõ ràng, cụ thể và sổ tay chất lượng được cập nhật, cải tiến hàng năm cùng với sự phân công trách nhiệm theo dõi đến từng cá nhân, đơn vị nên trong năm 2024 hoạt động bảo đảm chất lượng của trường đã đạt được một số kết quả nhất định.

Các quy trình, công cụ, biểu mẫu cũng như các hướng dẫn cụ thể, đã giúp giải quyết công việc theo một trật tự, rút ngắn thời gian khi cần giải quyết một công việc, tạo thuận lợi cho các đơn vị trong công tác tự đánh giá bảo đảm chất lượng;

Việc nhà trường, các đơn vị áp dụng các quy trình, công cụ để thực hiện công việc là rất phù hợp trong điều kiện hiện nay và đã giúp nhà trường nâng cao chất lượng cho việc dạy và học;

Hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng được vận hành trên trang web, cổng thông tin nội bộ, các vấn đề chuyển tải đến CBGV được nhanh chóng, dễ dàng và kịp thời, hỗ trợ thực hiện các công tác được thuận lợi, giảm thiểu rất nhiều thời gian giúp công tác bảo đảm chất lượng được thực thi tốt và hiệu quả;

Nhận thức của toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của nhà trường về tầm quan trọng của hệ thống BDCL đã được nâng cao. Từ đó, từng bước hình thành văn hóa chất lượng trong nhà trường.

3.2. Tồn tại, hạn chế

Mặc dù đã có sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo nhà trường, nhưng vẫn còn một số ít cán bộ, viên chức chưa thực sự hiểu rõ về hiệu quả của việc áp dụng quy trình quản lý chất lượng nên vẫn còn có tâm lý ngại thay đổi, làm việc theo thói quen cũ, dẫn đến hiệu quả xây dựng và áp dụng các công việc theo quy trình quản lý chất lượng đã xây dựng chưa được như mong đợi.

Trong quá trình xây dựng các nội dung quản lý chất lượng, việc thực hiện rà soát, xác định những điểm còn tồn tại trong từng nội dung quản lý của trường chưa triệt để, nhằm tìm ra giải pháp khắc phục những điểm còn tồn tại, làm cơ sở cho việc đánh giá được hiệu quả của quá trình xây dựng, vận hành hệ thống quản lý chất lượng tại trường.

Chưa huy động được nhiều sự tham gia góp ý, xây dựng và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng của cán bộ, giáo viên, nhân viên nên khi vận hành vẫn bộc lộ những khó khăn, vướng mắc.

Còn hiện tượng một số cán bộ, giáo viên chưa thích ứng với hệ thống quản lý chất lượng, chưa khắc phục được thói quen ỷ lại, đối phó.

Việc áp dụng công nghệ thông tin trong việc xây dựng và vận hành hệ thống quản lý chất lượng còn hạn chế; chưa xây dựng được hệ thống thông tin phục vụ cho toàn bộ hoạt động quản lý, điều hành của trường...

3.3. Nguyên nhân

Lực lượng cán bộ làm công tác Bảo đảm chất lượng mỏng, kinh nghiệm chưa nhiều nên công tác triển khai, kiểm tra giám sát, đôn đốc chưa được sâu sát.

3.4. Đề xuất

Tiếp tục tuyên truyền, quảng bá rộng rãi tầm quan trọng và lợi ích mà hoạt động BDCL mang lại, qua đó CBVC sẽ có cái nhìn khách quan hơn, sẽ dành nhiều thời gian hơn cho hoạt động Bảo đảm chất lượng của trường;

Các đơn vị tiếp tục rà soát, cải tiến hệ thống BDCL đã ban hành theo hướng tinh gọn, ràng buộc logic lẫn nhau theo hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và chiến lược phát triển trường cho phù hợp với thực tiễn;

Xây dựng Hệ thống website và hộp thư điện tử để có thể kết nối được với các đơn vị quản lý GDNN thuận tiện trong công tác triển khai báo cáo.

Nơi nhận:

- TCGDNN (để b/c);
- Sở LĐ-TBXH tỉnh Thái Nguyên (để b/c);
- Bộ Công Thương (để b/c);
- Lưu: VT, BDCL. *thuy*



ThS. Phan Văn Tú